

Mao và "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam"

Trần Trung Đạo

Trong suốt cuộc chiến Việt Nam, quan điểm chính trị và quân sự của Mao Trạch Đông thay đổi nhiều lần. Từ một Mao chủ hòa sau hiệp định Geveva trở thành một Mao chủ chiến trong giai đoạn đầu của cuộc chiến vào thập niên 1960 và lần nữa trở về với Mao chủ hòa sau Thông Cáo Chung Thượng Hải ngày 27 tháng Hai 1972.

Mao và lý luận “chiến tranh giải phóng dân tộc”

Phát xuất từ quan điểm cố hữu “lấy nông thôn bao vây thành thị” và cũng vì không đủ khả năng đề trực tiếp đương đầu với Mỹ, Mao chủ trương gây khó khăn cho Mỹ, kẻ thù chính của Trung Cộng trong giai đoạn từ 1949 đến 1972, qua hình thức chiến tranh cách mạng tại bất cứ quốc gia nào Mỹ đang có quyền lợi hay có thể tạo ảnh hưởng.

Trong dịp tiếp phái đoàn báo chí Chile ngày 23 tháng Sáu 1964, Mao tuyên bố: “*Chúng tôi chống chiến tranh, nhưng chúng tôi ủng hộ các cuộc chiến chống chủ nghĩa đế quốc do các dân tộc bị áp bức phát động*”. Từ Phi Châu, Nam Mỹ, và Á Châu, Mao tích cực yểm trợ võ khí và cơ sở lý luận cho các phong trào được gọi là “giải phóng dân tộc”, chống “đế quốc thực dân”. Các phong trào Maoist lan rộng khắp nơi, từ Nepal bên rặng núi Hy Mã Lạp Sơn ở Á Châu cho đến tận những cánh đồng ở Equador, Nam Mỹ.

Trong mắt Mao, ba “anh hùng” được xem là những lãnh tụ tiêu biểu của phong trào “giải phóng dân tộc” là Hồ Chí Minh tại Á Châu, Fidel Castro tại Nam Mỹ, và Ben Bella tại

Phi Châu. Trong số ba “anh hùng” đó, Hồ Chí Minh và đảng CSVN vì lý do ý thức hệ và địa lý chính trị, được Mao quan tâm nhất và bằng mọi giá phải nắm chặt trong tay. Có một thời quan hệ giữa hai đảng CS, giữa hai nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc, đúng nghĩa như là môi với răng.

Khi phong trào “giải thực” bước vào giai đoạn chót ở cuối thập niên 1960, hầu hết các nước thuộc địa đã được trao trả quyền độc lập hoàn toàn hay độc lập trong khuôn khổ khối thịnh vượng chung. Hai trong số ba nước tiên phong gồm Algeria và Cuba nghiêng về phía Liên Xô, Mao chỉ còn lại một đàn em trung thành duy nhất ở Á Châu là CS Bắc Việt. Mao tìm mọi cách để kiểm soát CSVN về mọi mặt từ giáo dục tuyên truyền, đường lối lãnh đạo cho đến kinh tế, văn hóa, xã hội.

Mao và quan điểm về chiến tranh Việt Nam

- Sau hiệp định Geneva 1954 đến 1964: Trung Cộng là



nguồn cung cấp duy nhất cho CS Bắc Việt, không chỉ từ chén cơm manh áo mà cả lý luận tư tưởng. Nói chung đời sống từ vật chất đến tinh thần của đảng CSVN lệ thuộc sâu xa vào đảng CSTQ. Khắp miền

Bắc, từ công sở đến gia đình, hình ảnh của Mao được đặt trên mức linh thiêng. Hồ Chí Minh và lãnh đạo CSVN đã thi hành một cách nghiêm chỉnh hầu hết các mệnh lệnh đầy tai họa từ Mao và các chính sách phi nhân này đã dẫn đến cái chết oan uổng của nhiều trăm ngàn người dân Miền Bắc vô tội qua các chiến dịch Đấu tố, Cải Cách Ruộng Đất.

- **Từ 1964 đến 1965:** Cuối năm 1964, Hồ Chí Minh chủ trương cân bằng ảnh hưởng giữa Liên Xô và Trung Cộng mong nhận được viện trợ của cả hai để theo đuổi mục tiêu CS hóa toàn cõi Việt Nam. Điều này làm Mao lo lắng. Mao sai Đặng Tiểu Bình, lúc đó là Tổng Bí Thư đảng CSTQ, bí mật thăm Hà Nội và hứa viện trợ Hà Nội một tỉ Yuan (tiền của Trung cộng) nếu Hà Nội từ chối viện trợ của Liên Xô. Ngoài ra, Mao cũng cứng rắn chống lại mọi sáng kiến chấm dứt chiến tranh Việt Nam bằng phương tiện đàm phán. Mao nói thẳng với Kosygin, Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng Liên Xô, trong chuyến viếng thăm của y tới Bắc Kinh ngày 11 tháng 2 năm 1965, *“Liên Xô không được dùng Việt Nam để mặc cả với Mỹ”*. Mao cũng từ chối đề nghị của Liên Xô về một phiên họp thượng đỉnh giữa ba đảng CS để thảo luận về đường lối chiến tranh Việt Nam. Mao xem đảng CSVN chẳng khác gì một xứ bộ của đảng CSTQ.

- **Từ 1965 đến 1972:** Khi chiến tranh Việt Nam gia tăng cường độ, Lê Duẩn, Trưởng phái đoàn, Đại diện đảng CSVN, trong chuyến viếng thăm Trung Cộng tháng Tư 1965, đã chính thức yêu cầu Mao gửi quân sang Việt Nam. Đáp lại lời thỉnh cầu của Lê Duẩn, Mao gia tăng hàng loạt viện trợ quân sự cho CS Bắc Việt. Tháng 6 năm 1965, các sư đoàn Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc tiến vào miền Bắc Việt Nam. Đến tháng Ba 1968, tổng số quân Trung Cộng có mặt tại miền Bắc là 320 ngàn quân với tất cả phương tiện yểm trợ và trang bị vũ khí đầy đủ.

Các cuộc dội bom ô ạt của Mỹ lên miền Bắc gây tổn hại trầm trọng trong mọi lãnh vực kinh tế, quốc phòng của CS Bắc Việt. Vào lúc đó Liên Xô cùng các nước CS Đông Âu và Tây Âu, đồng minh của Mỹ, khuyến khích CS Bắc Việt và Mỹ ngồi vào bàn hội nghị để tìm cách giải quyết chiến tranh Việt Nam. CS Bắc Việt đồng ý. Chủ trương của lãnh đạo CS Bắc Việt lúc đó là vừa đánh vừa đàm để tận dụng mọi cơ hội có lợi nhất cho mục đích tối hậu CS hóa Việt Nam và đồng thời dùng bàn hội nghị để mặc cả Mỹ giảm mức độ ném

bom. Ngoài ra, Hồ Chí Minh lo ngại Mỹ sẽ tăng cường thêm 100 ngàn quân tại miền Nam như y đã trao đổi với Mao vào tháng 6 năm 1965.

Mao thì khác. Y chống đối phương pháp thương thuyết và chủ trương kéo dài chiến tranh càng lâu càng tốt. Chủ trương kéo dài chiến tranh của Mao phát xuất từ ba lý do: (1) Mao muốn tiếp tục làm tiêu hao tiềm lực của Mỹ (2) Chứng tỏ vai trò lãnh đạo của Mao trong thế giới thứ ba, (3) Dùng chiêu bài chống đế quốc xâm lược để củng cố vai trò cai trị của Mao tại lục địa Trung Quốc.

- Từ Thông cáo chung Thượng Hải 1972 đến 30-4-1975: Quan hệ giữa Trung Cộng và Liên Xô ngày càng trở nên xấu và khó có cơ hội hòa giải giữa hai nước CS hàng đầu.. Chỉ riêng năm 1969 có tới 400 vụ đụng độ dọc biên giới. Đáp lại ý định rút lui khỏi Việt Nam của TT Richard Nixon, Mao nghĩ đã đến lúc phải bắt tay với Mỹ để tránh bị bao vây cả hai mặt bằng hai kẻ thù mạnh nhất nhì trong thế giới. Sau chuyến viếng thăm Trung Cộng của TT Richard Nixon vào cuối tháng 2 năm 1972, tới phiên Mao cố võ cho một giải pháp hòa bình mà trước đó không lâu y đã chống lại.

Mao và “Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam”

- “Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam”: Hôm nay cả thế giới đều biết những tổ chức được gọi là “Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam” hay “Chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam” đều chỉ là các bộ phận thuộc đảng bộ miền Nam do Trung Ương Cục Miền Nam, tên mới của Xứ ủy Nam Bộ thuộc đảng Lao Động, lãnh đạo.

Tổ chức gọi là “Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam” (MTDTGPMNVN) được thành lập ngày 20 tháng 12, 1960 với mục đích: “*Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu*

tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai đế quốc Mỹ; thành lập một chính quyền liên minh dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, giữ vững hoà bình, thi hành chính sách trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới."

Bí thư Trung Ương Cục đầu tiên là Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Bộ chính trị đảng Lao Động Việt Nam. Tháng 10 năm 1964, nhu cầu quân sự gia tăng, Nguyễn Chí Thanh được điều vào Nam làm Bí thư Trung ương Cục kiêm Bí thư Quân ủy Miền. Từ 1967 đến 1975, Trung ương Cục miền Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Phạm Hùng, Ủy viên Bộ chính trị kiêm Chính ủy các lực lượng vũ trang miền Nam.

Đầu năm 1961, "Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam" cũng được Trung Ương Cục Miền Nam thành lập. Dù chỉ trên danh nghĩa, "quân giải phóng" này lẽ ra phải trực thuộc "MTDTGPMNVN", tuy nhiên, theo nội dung chỉ thị của Tổng Quân ủy CSVN tháng 1 năm 1961 nhấn mạnh: "*Quân giải phóng miền Nam Việt Nam là một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Đảng sáng lập và xây dựng, giáo dục và lãnh đạo*".

Đáp ứng nhu cầu tạo thế đối trọng với chính phủ VNCH, ngày 8 tháng 6 1969, Trung Ương Cục thành lập thêm một tổ chức mới gọi là "Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam" do Huỳnh Tấn Phát, đảng viên CS từ thời 1945, làm Chủ tịch và Nguyễn Thị Bình làm Bộ trưởng Ngoại Giao.

Trước 1975, nhờ che đậy dưới mục đích rất nhân bản và lương thiện "*dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, giữ vững hoà bình, thi hành chính sách trung lập*",

“MTDTGPMNVN” đã thu hút được một số “trí thức” miền Nam, thuộc loại nhẹ dạ cả tin, non nớt về ý thức chính trị.

- **Mao ve vãn các lãnh đạo “Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam”**: Tuy nhiên, không ai hiểu con bầy cha mẹ, tác giả của sách vở mà CSVN dùng là của Mao và đường lối CSVN dùng cũng là của Mao đã từng áp dụng tại Trung Quốc như trường hợp Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc, gọi tắt là Chính Hiệp sau 1949. Chủ tịch của các Hiệp Chính này không ai khác hơn lại là những lãnh đạo tối cao của đảng. Mao Trạch Đông, chủ tịch khóa I (1949 - 1954), Chu Ân Lai, khóa II, III, IV (1954 - 1976), Đặng Tiểu Bình, khóa V (1978 -1983) Đặng Dĩnh Siêu, khóa VI (1983 - 1988), Lý Tiên Niệm, khóa VII (1988 - 1992) v.v..

Tuy nhiên, cũng qua kinh nghiệm tại Trung Quốc, Mao biết dù sao vẫn còn tồn tại một thành phần ngây thơ trong hàng ngũ “MTDTGPMNVN” nên sau Thông Cáo Chung Thương Hải, Mao tìm cách khai thác và ve vãn hàng ngũ này.

Mao tiếp Nguyễn Thị Bình tại Bắc Kinh ngày 29 tháng 2, 1972 và nói với Nguyễn Thị Bình *“Chúng ta thuộc vào một gia đình. Bắc Việt, Nam Việt, Đông Dương, Triều Tiên cùng một gia đình và chúng ta ủng hộ lẫn nhau. Nếu các bạn thành công tại hội nghị Paris, không chỉ Nam Việt mà Bắc Việt cũng đạt đến mức bình thường hóa với Mỹ ở mức độ nào đó”*.

Tháng 11, 1973, Nguyễn Hữu Thọ hướng dẫn phái đoàn “MTDTGPMNVN” thăm Bắc Kinh. Phái đoàn của y được Mao tiếp đón nồng nhiệt và hứa các khoản viện trợ không hoàn trả. Các thành viên trong phái đoàn ngạc nhiên trước cách đối xử khác biệt của Mao. Trương Như Tảng kể lại trong vài ngày đầu thăm viếng Bắc Kinh, các lãnh đạo Bắc Kinh tưởng Trương Như Tảng là người của Việt Nam Dân

Chủ Cộng Hòa nên tỏ ra lạnh nhạt, nhưng khi biết y là thành phần của phái đoàn Nguyễn Hữu Thọ, họ đã tỏ ra niềm nở.

- **Mao và hai nước CS Việt Nam:** Chiều ngày 11 tháng 8, 1975, Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc Daniel P Moynihan, hai lần đưa tay phủ quyết đơn xin gia nhập Liên Hiệp Quốc của cả Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa lẫn Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam sau khi đơn gia nhập của Nam Hàn bị bác bỏ tuần trước đó.

Với đám lãnh đạo CSVN, việc “hai nhà nước” CS Việt Nam cùng tham gia vào LHQ chỉ là một chiến thuật đối ngoại về mặt nhà nước, nhằm “hợp thức hóa” việc cưỡng chiếm miền Nam của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và gia tăng áp lực buộc Hoa Kỳ phải viện trợ để “tái thiết Việt Nam”. Về mặt đảng, chỉ một đảng CSVN mà thôi.

Đối với Trung Cộng, tuy không có gì chắc chắn, việc duy trì hai nước Việt Nam lại là một ý định có tính cách chiến lược. Mao và tập đoàn lãnh đạo Trung Cộng khi ủng hộ chủ trương hai Việt Nam chần chẫn không phải phát xuất từ lòng thương xót Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam hay người dân miền Nam. Mao lúc đó đã biết khuynh hướng thân Liên Xô trong lãnh đạo CSVN và hy vọng lãnh đạo CSVN tại miền Nam hay gốc miền Nam sẽ có một khuynh hướng nghiêng về Trung Cộng. Do đó, những ve vãn của Mao đối với “MTDTGPMNVN” cũng chỉ là hành động “còn nước còn tát” mà thôi.

Bất được ý định đó, Hoa Kỳ đưa ra một “giải pháp trọn gói” tức cả bốn nước Đông Nam Á gồm: Bắc Hàn, Nam Hàn, Bắc Việt (Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa), Nam Việt (Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam) cùng vào LHQ. Trung Cộng không chấp nhận. Mao, vào thời gian đó, sức khỏe yếu dần, nhưng đã đóng vai trò quyết định trong “giải pháp trọn gói” của Mỹ. Vì Mao không đồng ý “giải pháp trọn gói” nên Mỹ phủ quyết CS Bắc Việt và CS Nam Việt.

Tìm hiểu quan điểm của Mao qua các giai đoạn của cuộc chiến để thấy phía sau những khẩu hiệu tuyên truyền đường mật, dã tâm của Mao vẫn là khổng chế Việt Nam bằng mọi cách thức. Tập Cận Bình hãnh diện là truyền nhân của Mao, do đó, đọc lại Mao để có thể đo lường những bước đi tới của họ Tập.

Ngoài các đặc điểm kế thừa từ Mao, Tập Cận Bình còn đi xa hơn trong tham vọng bành trướng ở Á Châu. CSVN ngày này không còn chọn lựa nào khác hơn là quy phục Trung Cộng để tiếp tục tồn tại và duy trì quyền cai trị đất nước. Chọn lựa duy nhất của các tầng lớp người Việt Nam yêu nước hiện nay là đóng góp hết sức mình vào cuộc vận động dân chủ tại Việt Nam. Mục tiêu đầu tiên và quan trọng nhất trong tiến trình dân chủ hóa là tháo gỡ cho được cơ chế chính trị xã hội độc tài CS hiện nay.

Trần Trung Đạo

Tham khảo

- Discussion between Mao Zedong and Nguyen Thi Binh, December 29, 1972, wilsoncenter.org.
- Rosemary Foot, John Gaddis, Andrew Hurrell, Order and Justice in International Relations, Oxford 2002 pp219-220
- Yang Kuisong (2002). *Changes in Mao Zedong's Attitude toward the Indochina War, 1949-1973*. Woodrow Wilson International Center for Scholars.
- Qiang Zhai (2002). *China & The Vietnam Wars, 1950-1975*. University of North Carolina Press.
- Balancing ACT: How Nixon Went to China and Remained a Conservative, Chapter Vietnam War pp23-37
- Trương Quảng Hoa, Hồi kí cố vấn Trung Quốc, Diendan.org
- New York Times, August 7, 1975

CON ĐƯỜNG XUA EM ĐI

NGÔ KIM THU

Sau màn đại hội đảng, một đại hội “dân chủ đến thế là cùng”(!), tới giờ, từ sau khi cụ “tổng Lú”* , tiến sĩ về chuyên ngành... “xây dựng Đảng,” run run cảm động, lập cập, ấp a ấp úng, nói chẳng nên lời mà rằng thì là...cụ quả thật quá ư “bất ngờ” khi được các đảng viên tham dự “đại hội đảng gặt” tín nhiệm mà trao cho cụ tiếp tục cái sứ mạng cao cả lãnh đạo toàn đảng kiên quyết đi theo con đường CSXHCH, con đường mà em không nhớ rõ hình như cũng chính cụ hay là một trong ba ông còn lại Hùng Dũng Sang (wow!) đã thắc mắc không biết đến cuối thế kỷ này đảng đã dẫn dân tới được chưa, (không sao đâu cụ ạ. Đường đi khó , không khó vì ngăn sông cấm chợ, mà khó vì lòng người ớn công an, e quần chúng tự phát, nhưng mà nếu cứ đi đại, đập đại gai mà đi thì dù mỗi ngày có di chuyển được chừng cỡ 0.30 mm thôi, thì cũng vẫn phải có ngày tới chứ ạ. Không thế kỷ 21 thì thế kỷ 23 hay 24 hay ngay cả tới thiên niên kỷ...30 cũng có sao đâu. Chi sợ mỗi một điều là nhờ lúc đó khi tới được cuối đường rồi thì lại thấy ủa sao chỉ còn mỗi một mình mình làm chủ cái mặt đất này thôi à, còn toàn thể thế giới, tất cả bàn dân thiên hạ, kể cả Căm-pu-chia và Công-gô, đã lên định cư, sinh con sinh cháu sinh chất chút chút,... trên các hành tinh khác mất tiêu từ bao giờ rồi thì ta chơi với ai được đây ta?). Sau ngày đó, sao em chờ hoài chờ hũy mà không thấy một chút động tĩnh nào hết cả, tất cả cứ êm ru bà rù, khác hẳn những ngày trước đại hội, đủ chuyện, đủ tin tức...mình, đủ dự báo bàn đề hằm bà lằng trên khắp mọi nơi mọi nẻo, khắp các báo lẻ phải, net lẻ trái. Sao kỳ vậy quý vị?

Mà công nhận cụ tổng ngậy thơ... lú thú thật hả quý vị. Em nhớ ngay từ trước ngày đại hội đảng khai mạc, hình ảnh của nhóm “tứ nhân bang” đã được treo khắp hang cùng ngõ hẻm, truyền đi khắp các websites cả trong nước lẫn ngoài nước rồi. Và chính cụ, cụ cũng đã bày tỏ ý kiến công khai và rõ ràng rằng là chỉ người Bắc, giống như chính cụ, “Tôi đây, tôi Bắc kỳ dzôn chính cống đây này” mới được giữ chức vụ TBT thôi. Vậy mà mới qua có mấy ngày đại hội, cụ đã lại lú lẫn quên mất tiêu những gì mình nói, để cảm động đến “bất ngờ” như thế. Tội cụ thiệt!!!

Trước đại hội, cũng từng cụ tổng đã đích thân (không phải ai khác) lặn lội qua gặp tận mặt tông tông Mỹ để dò coi Mỹ sẽ cho gì nếu cụ và các đồng chí khác theo về với Mỹ. Nhưng có vẻ sau đó thấy thái độ, lập trường của Mỹ vẫn cứ đòi VN phải cải tổ dân chủ thực sự, một điều mà chắc chắn sẽ làm đảng của cụ (trong đó có cụ, dĩ nhiên) tiêu tùng nhanh chóng, một phó thủ tướng khác lại được gửi vội qua Tàu để vừa đề nghị vừa bày tỏ sự thuận phục hầu cứu đảng cứu ta, vì còn đảng mới còn được ta chứ. Mọi điều kiện chắc đã được đôi bên thông qua ổn thỏa, nên cận ngày đại hội, đại diện quan thái thú cũng được phái qua VN để theo dõi tình hình, giám sát mọi diễn biến của đại hội, và quân đội, xe tăng, tàu bay, tàu bò được rầm rập kéo về “thủ đô” dàn dọc dần ngang khắp đường phố để “bảo vệ đại hội đảng”, phòng lỡ có kẻ nào không đồng thuận, làm một cú đảo chánh thì phiền quá. Kết cuộc là những ý kiến ý cò, tham luận bình luận rất rôm rả, um sùm, ỳ xèo trước ngày đại hội khai mạc (một số đã thiệt “hồ hởi phấn khởi”, gọi anh “Ba D...” là Gorbachev VN sắp sửa ra tay, lên làm tông tông đưa đất nước về bến bờ tự do như toàn dân mong đợi, dù thực sự cái ông D..., y tá vườn - cử nhân “luật rừng”, có thành công như tin đồn, thì em e rằng ông sẽ đưa đất nước tới chỗ tham

những bạo hơn nữa mà thôi), rồi cũng tự nhiên bỗng tắt cái rục, biến mất tiêu, chỉ còn lại một sự im lặng rùng rợn, cái im lặng rợn người của đất trời trước cơn hồng thủy, trước ngọn sóng thần sắp sửa ập tới. Việt Nam sẽ lại nhượng cho Tàu thêm những gì nữa trong những ngày sắp tới đây, khi dàn bộ sậu tứ nhân bang mới đã thực sự được đặt lên ngai? Em thiệt không dám nghĩ tới. Hải hùng quá đi!

Mấy bữa nay nơi em ở trời mưa quá sức, nhờ có cơn bão đang thổi qua. Đã lâu lắm Cali. chẳng có mưa, cây cối chết khô chết héo còn người thì cũng đã phải tiết kiệm nước tới mức tối đa, cho tới bây giờ. Từ xưa em vẫn chỉ quen với những cơn mưa Saigon. Trời đang nắng chang chang, bỗng mây kéo tới đen thui và mưa đổ xuống cái ào, nhiều khi còn kèm cả sấm chớp âm âm nữa, thấy thì rất chi rùng rợn nhưng cũng in hệt như tính tình của người Saigon, nhìn vậy chứ không phải vậy, um sùm âm ỹ thể nhưng chỉ chừng nửa giờ là đâu lại hoàn đấy, mưa ngưng và nắng lại rục rờ như không có chuyện gì xảy ra. Mọi người chạy núp vào những mái hiên hai bên đường, có dịp nói lảng quăng dăm ba câu chuyện với người chẳng quen, đợi cơn mưa qua, lại đi tiếp. Chỉ có mưa xứ Huế là hình như rất lê thê thảm thiết thôi. Thực sự em cũng chỉ được nghe qua nhạc, xem qua truyện Nhã Ca và nghe ông chồng em tả chứ chưa được đi ra đó bao giờ nên không biết trời mưa xứ Huế thực sự ra rãng, nhưng bây giờ cứ nhìn bầu trời xám xịt với những cơn gió sục sùi suốt từ sáng sớm tới tối thui nơi đây, em chắc mưa trên xứ Huế chắc cũng rầu rĩ cỡ này là cùng. Trời xám, đất xám, cây xám, giọt mưa trên lá xám, cái chi cũng xám, và mặt mũi con người cũng xám luôn vì hắt hơi, sổ mũi, cảm lạnh...Chán ghê!

Mưa hoài nên em đành phải ngồi ôm cái TV vậy, và nhờ đó, hôm qua em được coi trên một đài truyền hình VN buổi phỏng vấn bà vợ Cố Đại úy Nguyễn Văn Dương, người anh hùng mũ đỏ “Anh không chết đâu anh” của một thời chinh chiến cũ. Trời, tên tuổi ông vẫn được nhắc nhở hoài



hoài. Bấm vào Google mấy dòng “Anh không chết đâu anh” là một dọc dài thông các màn trình diễn bài hát này của đủ các ca sĩ, nhiều nhất là Thanh Lan và tác giả Trần Thiện Thanh, với những hình ảnh đẹp để làm sao của “*cô sinh viên hay buồn thường nhắc nhở những chiến công*” và “*chuyện nước mắt ướt sân trường đại học chuyện anh riêng anh riêng anh*”. Thế nhưng cái thực tế bày ra trên màn ảnh nhỏ kia mới bẽ bàng, đau xót làm sao:

“...Từ năm 1971 đến 1975 thì tôi vẫn còn lương của chính quyền VNCH, nên tuy một mình, tôi vẫn đủ nuôi 4 đứa con (3 trai 1 gái). Tuy nhiên sau năm 1975 thì cuộc sống gia đình tôi bắt đầu gặp rất nhiều khó khăn ...Tôi làm đủ thứ nghề mà vẫn không khá được. Các con tôi đều không được học hành đàng hoàng. Lớn lên một tí thì hai đứa con trai lớn vì không chịu nổi hoàn cảnh và đã đến tuổi đi “bộ đội” (trên 18 tuổi, luật của CSVN là bắt đi nghĩa vụ quân sự), nên đã

bỏ trốn qua Campuchia làm nghề cạo mũ cao su. Rồi cả hai đều mất vì những căn bệnh hiểm nghèo. Có lẽ hít phải mùi cao su quá nhiều và ăn uống kham khổ nên đổ bệnh...”

Em thật sự không còn một lời nào để có thể nói thêm. Hình ảnh người phụ nữ tiều tụy, hốc hác đứng trước bàn thờ với di ảnh người anh hùng năm xưa khác xa hoàn toàn với những hình ảnh trong các bài hát trình diễn trên Google, nhưng đau đớn thay, hình ảnh người đàn bà đó lại mới là sự thực. Em tưởng tượng nếu thằng Tí Cọp con em phải “bỏ trốn qua Campuchia làm nghề cạo mũ cao su” thì em có chịu nổi không hồi trời? Mà đã là mẹ thì lòng mẹ nào chẳng như nhau. Nước mắt khóc chòng của chị chắc chưa ngưng cạn đã lại tiếp nước mắt khóc con. Và những người con của một trong những người hùng của dân tộc, sao số phận nghiệt ngã đến thế được. Những chiếc lá xanh bị dập vùi quá đỗi tàn khốc trong cơn quốc biến.

Em cũng biết hiện vẫn đang có những chương trình như Huynh Đệ Chi Bình, TPB/VNCH... và rất nhiều người như NT Nguyễn Minh Chánh, bà Hạnh Nhơn và cả ông chủ bút ĐH Nguyễn Phán nữa, vẫn đang cố gắng mỗi ngày từ bao năm qua để giúp những người Thương Binh/VNCH năm xưa còn ở quê nhà. Nhưng ngoài những chương trình ấy, có chương trình nào, có tổ chức nào đứng giúp đỡ, lo riêng cho các quả phụ của tử sĩ VNCH không? Nếu em muốn volunteer thì tìm ở đâu được, quý vị có biết không? Người Việt hải ngoại chẳng bao giờ có thể quên những người xưa, những đồng đội cũ. Mới chỉ 4 ngày mà số tiền mọi người gửi về cho chị Nguyễn Văn Đương đã lên tới \$30,000.00 và chắc sẽ còn nữa, so với con số khiêm nhường dự trù ban đầu \$3000.00. Con số thật sự làm ấm lòng người. Chị chắc sẽ có thể thực hiện giấc mơ hằng ấp ủ, đi tìm dấu tích người xưa nơi vùng trận địa cũ. Người con còn lại của anh chắc cũng

sẽ có một cuộc đời thay đổi khác hơn. Và trên tất cả, chắc người anh hùng năm xưa giờ cũng có thể mỉm cười nơi chín suối khi nhìn xuống gia đình mình, đồng đội cũ, sau bao tháng ngày đen tối...

Tuy nhiên, còn bao nhiêu người vợ, người con của những người lính năm xưa hiện vẫn đang phải chịu những cảnh sống như gia đình Cố Đại úy Nguyễn Văn Dương này, trên quê hương Việt Nam, mà chưa ai biết đến? Phải làm gì để có thể giúp được họ, để trả món nợ đối với những người đã nằm xuống? 30 tháng tư lại về nữa rồi. Không biết ngày này của 41 năm trước quý vị đang làm chi? Ông anh “no-bà-con” của em thì kể ông đang đóng quân ở Long An sau khi đã di tản về từ Pleiku trên con đường định mệnh 7A, và tiểu đoàn ông vẫn đang đánh suốt ngày đêm cho tới sáng 30 tháng tư khi Dương Văn Minh ra lệnh buông súng. Các sĩ quan bị tập trung lại và chờ đi tù luôn không gặp gia đình. Riêng ông và ông bạn cùng khóa, anh Phạm Văn Lương, trốn thoát khỏi đoàn tù, lẫn vào nhà dân và về lại Saigon để rồi sau đó lại cũng lên đường vào trại tập trung như những người tù khác. Ở nhà em, mẹ em sắm cho tụi em từ lớn tới nhỏ mỗi đứa một cái bị lát trong đó có hai gói cơm sấy, 10 quả chanh, một chai nước lọc và một cái...gậy. Mẹ em đã có kinh nghiệm thời tản cư xa xưa ngoài Bắc, cộng thêm những hình ảnh chạy loạn của miền Trung được chiếu trên TV mỗi ngày, nên đề phòng lỡ Saigon cũng phải chạy như vậy, mẹ em trang bị cho tụi em những vật cần thiết ấy. Nhưng chỉ là để chạy thôi. Ra khỏi thành phố, về đâu đó, dăm bữa nửa tháng, khi yên sẽ quay trở về. Không một ai nghĩ là sẽ mất nước hết. Làm sao mà mất nổi, làm sao mà Vi Xi có thể chiếm được Saigon chứ? Tụi em xếp một dãy bị lát, một dãy gậy (để lỡ khi chạy mà phải leo lên dốc, xuống dốc đâu đó thì đã có cây gậy chống

cho khỏi...tê), một dây giày Bata ngay ngắn ngay gần lối cửa để có gì...lấy cho lẹ.

Nhưng ngần ấy thứ chẳng được dùng tới. Việt cộng đã khơi khơi chạy vào giữa Saigon. Những chiếc xe tăng đã nghiền suốt con đường Thống Nhất của em, con đường của những sáng Trung Vương, những chiều Văn Khoa cũ, con đường có những hàng me xanh mượt đầu xuân, xanh ngắt cuối hạ, có cây hoàng lan thơm ngát cạnh rạp Thống Nhất số quốc gia giúp đồng bào ta mua lấy cái nhà mỗi tuần.....



Đại lộ Thống Nhất! Con đường có một đầu là Dinh Tổng Thống và đầu kia là Sở Thú Saigon, hình như là con đường đã chứng kiến nhiều

sự kiện lịch sử nhất. Trại của Lực lượng phòng vệ phủ Tổng Thống gần Sở Thú bị tấn công tan nát và bị xoá bỏ năm 1963 khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, để rồi sau đó đã trở thành các trường Dược, Nông lâm súc, Văn khoa. Ngay gần đó, toà đại sứ Mỹ được khởi công xây cất khi Mỹ đưa quân vào VN và tồn tại tới ngày cuối, làm nơi di tản của những người Mỹ cuối cùng rời bỏ VN. Góc Thống Nhất – Hai Bà Trưng là tòa đại sứ Pháp. Con đường cũng đã đón những bước chân dồn dập của những người lính anh hùng các quân binh chủng trong những ngày diễn binh xưa. Rồi Cộng sản vào thành phố, cũng trên con đường này, tiến thẳng vào dinh Độc lập, mở đầu một trang sử đen tối nhất của dân tộc...

Riêng em, em nhớ những trái me non, em nhớ những cánh hoàng lan dịu dàng, những bông hoa tím và những cánh

bướm nhỏ xíu trên bãi cỏ dọc hai bên đường những ngày đến trường xưa. Rồi cũng có một ngày, những con đường xưa Saigon của em, nhất là con đường Thống Nhất, sẽ được chứng kiến những bước chân trở lại của con dân Việt Nam đứng lên phá bỏ độc tài, chấm dứt chế độ Cộng Sản, trả lại đời sống ấm no, tự do cho dân tộc. Bởi vì, sau ngày đau buồn 30 tháng Tư đen, luôn luôn là ngày 19 tháng Sáu oai hùng!

NGÔ KIM THU

.....

“Tổng Lú”: Nguyễn Phú Trọng, được dân trong Nước gọi là Trọng lú **BBT/Đa Hiệu**

.....



CÁI BÓNG CỦA VỊ THẦY TU

(tặng bạn tôi NVL)

Phạm Tín An Ninh

Dừng xe trước quán cà phê nằm bên triền núi, tôi kéo Lân vào ngồi bên chiếc bàn nhỏ, nằm riêng rẽ dưới bóng mây cảnh thông. Ngày thường, quán vắng khách. Đã hơn 4 giờ chiều mà mặt trời đang ở trên đỉnh đầu. Mùa hè Bắc Âu ngày dài ra, có những ngày cuối tháng sáu, gần như không thấy bóng đêm. Trời nắng, nhưng không nóng lắm. Thỉnh thoảng có vài cơn gió làm lung lay những cành thông, như muốn khuấy động cái không gian tĩnh mịch và tạo thêm chút mát mẻ, thư thái cho khách nhàn du.

Đến đây đã nhiều lần, dần dà bọn tôi trở thành khách quen của ông chủ quán, người Na-Uy, vốn trước kia ở cùng xóm với tôi, nên đã dành cho chúng tôi sự tiếp đãi đặc biệt, thoải mái. Hơn nữa đã từng nghiên cứu về Đạo Phật, nên thấy Lân trong bộ áo thầy tu, ông chủ cũng tỏ ra ít nhiều tôn kính, có khi trao đổi đôi điều về Phật và Thiên học, mặc dù ông chưa hề biết quá khứ, nhất là cả một thời tuổi trẻ sôi nổi, hào hùng và đầy biến động của Lân.

Gần mười năm nay, sau khi về hưu, hằng năm, vào khoảng giữa tháng Mười, vợ chồng tôi thường sang California ở sáu tháng để trốn mùa Đông Bắc Âu, mà với tuổi già càng ngày cái lạnh như càng ngấm vào da thịt và cả trong lòng mình. Đến hè, mỗi lần trở lại Na-Uy, tôi thường ghé lại thăm Lân. Từ lúc nhận ra tuổi già qua nhanh quá, cái quỹ thời gian không còn nhiều, và một số bè bạn đã lần lượt ra đi, chúng tôi dành nhiều thì giờ cho nhau hơn. Lân về hưu trước tôi một năm, và anh đã chọn một hướng đi đặc biệt cho tuổi già:

tu tại gia. Anh xuống tóc, ăn chay trường và mỗi ngày sống với kinh kệ như một vị thầy tu, mặc dù không đến chùa. Anh cho rằng cái khung cảnh và sinh hoạt ở một số chùa chiền bây giờ không thích hợp với anh. Hầu hết bạn bè và những người quen biết đều tôn trọng cái quyết định đó, cũng như rất mến mộ phong cách, đạo đức của anh. Thực ra, trước khi chọn con đường tu hành, anh cũng đã có đầy đủ tố chất của một vị chân tu rồi. Hiền lành, đạo hạnh, luôn chia sẻ tấm lòng với tha nhân, nhất là những người không may, gặp điều khốn khó, và với ai anh cũng luôn nở một nụ cười hiền hòa nhân ái. Lân dùng nguyên ngôi nhà ở sửa sang lại làm tịnh thất, nằm trong khu ngoại ô, bên bìa rừng yên tĩnh. Anh sống ẩn dật, chỉ tiếp vài ba người bạn chí thân. Tôi thường đến đây với Lân, có khi ở lại cả tuần, theo anh ngồi tĩnh tâm hay tập thiền, nhưng thỉnh thoảng Lân cũng chịu tôi, theo tôi ra ngồi ở cái quán cà phê bên vách núi yên tĩnh này. Tôi nghĩ đây là nơi lý tưởng để Lân còn nhìn thấy một chút “thế gian” và chúng tôi có thể ngồi hàng giờ tâm sự chuyện đời xưa, nhắc nhớ khoảng thời gian khá dài mà chúng tôi có cùng chung quá khứ.

Tháng sáu năm 1976, sau khi bị chuyển tù ra Bắc, đến Trại Hang Dơi thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn, tôi gặp lại người bạn cũ, có thời ở cùng đơn vị. Anh ở khác lán với tôi, nhưng cùng tổ và nằm bên cạnh Lân. Qua anh bạn này, tôi quen biết Lân từ đó, để rồi sau này trở thành thân thiết. Điều đặc biệt là dù qua bao lần “biên chế”, bị chuyển đi nhiều trại, Lân và tôi đều được may mắn, đi chung với nhau cho đến ngày Lân ra tù, tháng 9 năm 1981. Trước ngày miền Nam thất thủ, Lân là thiếu tá, làm việc ở Bộ Chỉ Huy Hành Quân Không Quân (thuộc Bộ Tư lệnh Không Quân). Một công việc bất đắc dĩ,

ngoài sở thích của Lân. Anh vốn là phi công trực thăng, được chuyển về đây sau khi ra khỏi Tổng Y Viện Cộng Hòa và được Hội Đồng Giám Định Y Khoa xếp vào loại 2, (không thể phi hành hay chiến đấu được). Anh bị trọng thương trong một phi vụ cấp cứu (rescue) một phi hành đoàn khi máy bay của họ bị bắn rơi trong trận chiến An Lộc.

Lớn hơn tôi một tuổi, Lân tình nguyện vào Không Quân và được sang Mỹ học ngành hoa tiêu trực thăng. Về nước, anh được bổ sung về Phi Đoàn Long Mã 219 ở Đà Nẵng. Đây là một phi đoàn đặc biệt. Máy năm đầu hầu hết là những trực thăng loại H-34, sau này được thay thế bằng UH-1. Thân máy bay sơn toàn màu đen, không vẽ quốc kỳ và bất cứ danh hiệu hay mã số nào, ngoài hình những lá bài “ách xì” cơ, rô, chuồn, bích. Phi Đoàn có nhiệm vụ thả và bốc các toán lôi hổ, biệt kích, hoạt động trong vùng đất địch. Lân nổi tiếng là một phi công tài giỏi, thông minh và can đảm.



Năm 1970, chuyển chuyển về một phi đoàn thuộc Vùng 3, tham dự các cuộc hành quân tại Cam Bốt, Lân cùng phi đoàn đã đóng góp nhiều chiến công. Năm 1972, tham dự trận

chiến An Lộc. Đồ quân, tàn thương cho Liên Đoàn 81 BCND và một số đơn vị thiện chiến khác, Lân mấy lần bị thương nhẹ, được đặc cách thăng cấp thiếu tá. Khi đã có lệnh và đang chờ thuyền chuyển đến một phi đoàn khác để giữ chức vụ Phi Đoàn Phó, thì anh tình nguyện tham gia phi vụ cấp cứu (rescue) một phi hành đoàn bạn như đã viết ở trên. Nhờ tài năng, lòng dũng cảm và nhất là tình đồng đội “*không bỏ anh em không bỏ bạn bè*”, anh đã bắt chấp mọi hiểm nguy, cứu được 3 trong 4 người của phi hành đoàn, khi phi cơ phải đáp khẩn cấp vì bị trúng đạn, phát hỏa, người xạ thủ đã bị tử thương. Được bốn gunships yểm trợ, Lân đã lura địch và bất ngờ đáp xuống trong màn lưới đạn, bốc ba người bạn đang bị Cộng quân truy bắt. Nhưng khi phi cơ vừa được bốc lên, Lân bị trúng hai viên đạn, làm gãy xương cánh tay và ống chân trái. Sau này, trong một dịp tình cờ, tôi gặp anh Copilot trong phi vụ này, anh kể lại chuyện bay rescue vô cùng hiểm nguy đó với tất cả lòng thán phục Lân. Anh bảo, nếu không có Lân hôm ấy, chắc chắn việc cấp cứu đã không thành, không chỉ ba người bạn đang lâm nạn mà cả phi hành đoàn “rescue” có lẽ cũng đã bị địch quân giết hay bắt sống.



Khi ở trại Nghĩa Lộ, tôi được sắp xếp cùng tổ với Lân. Chúng tôi thuộc đội phát rừng (vào mùa Đông) và tăng gia (vào mùa Hè, vì mùa Đông, ở vùng này rất lạnh, không trồng rau được). Tù ăn uống thiếu thốn và lao động cực khổ, nhưng Lân trông còn khỏe mạnh giữa đám tù gầy ốm, xanh xao. Có lẽ nhờ vào khả năng mưu sinh. Phải nói đây là một sở trường đặc biệt của Lân mà bạn tù ai cũng nể phục. Anh có thể bắt

tôm, bắt cá bằng tay không khi đứng giữa một dòng suối hay con sông. Nhìn dấu chân các loài vật anh biết ngay đó là con vật gì. Chỉ cần một nhánh cây anh có thể “sáng chế” thành một cái bẫy để bắt các loại chim, chồn, thỏ rừng,.. Nhờ vậy mà anh nuôi sống cả một tổ tù, đặc biệt cứu sống vài người bị đau bệnh, kiệt sức. Anh còn biết cả thuốc Nam, các loại lá, vỏ cây trị bệnh. Một lần đi rừng chặt nứa, tôi bị một con ong đất chích vào tay, sưng vù lên và tím cả một vùng da. Lân cho biết nọc loài ong này rất độc, có thể làm chết người. Anh dùng dây rừng cột chặt cánh tay tôi lại, đi tìm một loại lá và vỏ cây gì đó đắp lên. Chỉ sau một giờ đồng hồ vết sưng biến mất. Vào một buổi trưa chủ nhật, được nghỉ lao động, anh đã câu được gần 30 con ếch ngay trong trại, dưới các rãnh mương thoát nước. Chính tay trưởng trại đã đi theo xem và phục tài của Lân. Tất cả ếch câu được đều giao cho nhà bếp của tù để có thêm chất thịt cho anh em. Lân cho biết là chỉ cần nghe tiếng ếch kêu đêm hôm trước là anh biết có khoảng bao nhiêu con và đang trốn ở đâu. Câu ếch chỉ là một thanh tre và một sợi chỉ từ cái bao cát được Lân xe lại, và mỗi câu chỉ bằng một miếng bông gòn nhỏ. Tôi hôm ấy, tôi khuyên Lân nên chấm dứt chuyện câu ếch và cần phải giấu kín cái tài mưu sinh, vì có thể bị bọn cai tù nghi ngờ, “ra tay” trước đề phòng khả năng anh trốn trại. Tôi cũng ngạc nhiên, khi Lân là một phi công “hào hoa”, nhưng khả năng mưu sinh thoát hiểm cũng rất tuyệt vời. Lân cho biết, khi còn nhỏ, nhờ cả thời tuổi thơ sống bên quê ngoại, một vùng quê ở Tây Ninh, anh đã theo đám bạn bè và cả những người nông dân lớn tuổi, học được rất nhiều điều như thế.

Điều làm tôi nể phục hơn, ngoài mưu trí, lanh lẹ, Lân còn là một con người gan dạ, liều lĩnh và rất chí tình với bạn bè. Một lần trải qua một trận kiết lỵ kéo dài, thuốc men không có, tôi chỉ còn cân nặng khoảng 30 ký, kiệt sức đứng không

vững. Lợi dụng lúc đi lấy “phân xanh” (loại lá cây để ủ thành phân bón), không có vệ binh canh giữ, Lân đã lén vào trại heo của Hợp Tác Xã (cách trại khoảng vài trăm mét, mà trước đó đám tù bọn tôi có đến vài lần làm chuồng cho họ) bắt một chú heo con (heo sữa) mang về giấu ngoài khu vực tăng gia (nằm sát bên hông trại), để hôm sau vùi vào hầm lửa (do tù đào và dùng các gốc cây đốt lửa sưởi ấm) cho tôi ăn dần. Nhờ đó mà tôi sớm lấy lại được sức. Một lần khác, khi được giao cho công việc lên phơi lúa trên sân trại, nằm ngay trước ban chỉ huy trại, Lân thấy có một buồng chuối thật dài sắp chín được đám bộ đội chăm sóc cẩn thận, bao lại bằng mấy tấm bao cát và chống lên bằng hai thanh gỗ. Vài hôm sau, trong một buổi sáng sớm mùa Đông, khi sương mù còn dày đặc (đứng cách vài thước không nhìn thấy nhau), Lân đã lén lên sân trại cắt trộm cả buồng chuối mang ra chôn giấu ngoài khu lao động. Hai hôm sau chuối chín, chờ lúc không có mặt tay quản giáo, Lân đào buồng chuối lên để cả tổ cùng ăn. Vì sợ mùi chuối chín dễ bị phát hiện, nên Lân đề nghị phải ăn cho hết. Một thời gian quá lâu thiếu chất đường, nên cả tổ tám người thanh toán buồng chuối khoảng một trăm quả trong vòng 20 phút đồng hồ mà vẫn chưa thấy ngọt. Nhưng vì ăn nhiều quá, nên khi vừa đứng dậy, cả bọn bị bội thực, buồn nôn, ói ra toàn là chuối.

Biết tài bắt cá của anh, nên mỗi lần trại tù hay hợp tác xã bên cạnh tổ chức “đào” các hồ cá để thả cá con, Lân đều được chọn đi bắt cá. Hầu hết các hồ chỉ nuôi loại cá trắm cỏ, nhưng có nhiều loại cá khác, như cá lóc, cá trê sống trong đó, sẽ ăn hết đám cá trắm cỏ con. Nên trước khi thả cá, phải “đào” hồ (làm sạch hồ), bằng cách bơm cạn và bắt tất cả các loại cá khác nằm dưới bùn. Lân sở trường về việc này. Nhưng thay vì phải giao tất cả cá bắt được cho trại, anh tìm vài cái hang dưới bờ hồ, tạo thành những cái hộc để nhốt một

số cá lóc vào đó. Những cái hồ cá này, cũng là nơi cho tù rửa ráy hay tắm sau giờ lao động. Và cứ mỗi lần tắm, Lân lại bắt một con cá nhót sẵn trong hộc, mang về cho cả tổ cùng ăn. Vì là đội tăng gia, được giữ mấy cái bình tưới bằng nhôm, nên dễ dàng giấu cá trong đó mà không bị bọn cai tù “phát hiện”.

Có một kỷ niệm mà tôi không thể nào quên. Khoảng thời gian ở Trại Hang Dơi, bọn CS luôn tìm mọi cách vắt kiệt sức của chúng tôi. Tất cả tù đều phải lên rừng chặt nứa (loại tre nhỏ) mang về bán cho nhà máy giấy Việt Trì, theo hợp đồng của trại. “Chỉ tiêu” mỗi ngày là ba mươi cây, nếu không đủ, sẽ không được nhận khẩu phần ăn. Chỉ sau một tháng là nứa ở các vùng núi chung quanh trại tù hết sạch. Chúng tôi phải chia nhau một toán ba người đi rất xa lên các dãy núi cao tìm nứa. Lân và tôi luôn đi chung một toán. Trời mùa Đông, lạnh buốt xương, và suốt cả ngày mưa phùn rả rích. Các lối mòn, ngõ ngách lên núi biến thành bùn nhão, trơn như mỡ. Bọn tôi phải đóng những cái cọc ngắn dọc trên các con đường, mỗi lần vác nứa xuống, dùng đầu ngón chân tì vào các cọc để không bị trượt ngã xuống vực. Nguy hiểm hơn là khi bị té ngã, bó nứa chúi xuống đâm vào người đi trước, có thể mất mạng. Một buổi trưa, len lỏi trong rừng già, rất khó khăn để chui qua những cây mây già, nằm chằng chịt như những con trăn dài chặn các lối đi, những cây cổ thụ cao to che khuất ánh sáng mặt trời. Khi bọn tôi đang lo âu có thể bị lạc đường, chia nhau đi chặt vào các thân cây làm dấu, thì bất ngờ một cây cổ thụ bỗng rung rinh, lá cây xào xạc và bóng một con vật to lớn nhảy xuống. Cả ba thằng khựng lại, rồi phản ứng theo bản năng, nhanh chóng tìm lại ngòi sát vào nhau, mặt thẳng nào cũng tái xanh. Bỗng Lân quát lớn: “*Đừng sợ, đứng dậy, đưa dao lên!*” Tôi làm theo Lân như cái máy. Khi hoàn hồn, nhận ra ngay trước mặt mình không

xa, một con dã nhân (vượn người?), cao to bằng ba con người, lông lá đầy mình, mặt mày dữ tợn, đang rú gào đe dọa chúng tôi. Lân rất bình tĩnh, bảo bọn tôi cùng hét thật lớn và bước tới với con dao đưa lên chém vào không khí. Không ngờ con dã nhân lùi lại, rú thêm mấy tiếng rồi nhảy phóc lên cây, phóng đi nơi khác. Hôm ấy bọn tôi về tay không và biết là sẽ bị phạt mất phần ăn, nên Lân đã đi tìm mấy hạt măng rừng và luộc lên cho bọn tôi ăn đỡ đói. Tôi và anh bạn tù kia phục Lân vô cùng. Nếu hôm ấy mà không có Lân, chẳng hiểu bọn tôi sẽ phản ứng ra sao. Cũng đã từng bao lần vào sinh ra tử, nhưng đứng trước một tình huống quá bất ngờ như thế này, thực tình chúng tôi mất hết bình tĩnh, chẳng biết cách nào đối phó. Đây cũng là lần đầu tiên tôi nhìn thấy một con vật lạ lùng, ghê sợ, mà trước đây chỉ biết mơ hồ qua sách vở và lời kể của ông bà.

Năm 1979, trước khi chuyển trại, rời khỏi Hoàng Liên Sơn, vì Trung Cộng đang tấn công vào các tỉnh biên giới phía Bắc, đội tù chúng tôi được chọn ra hai tổ đi lao động “thông tầm”, gặt lúa cho một HTX nông nghiệp, ở cách xa trại khoảng mười cây số. Lân được chọn làm toán trưởng. Chúng tôi khoảng 20 người, đi bộ, có hai tên vệ binh đi theo. Đến nơi vào buổi chiều, trời sắp tối, bọn tôi được trú ngụ trong một cái đình làng bỏ hoang, một phần mái và một bức tường đã rệu rã. HTX dùng cái sân đình để chứa và phơi lúa. Không biết có phải để “khuyến khích tinh thần” hay tạo thêm sức, HTX “bồi dưỡng” cho bọn tôi một bữa xôi nếp với thịt trâu khá no nê. Có cả một xị rượu mía. Đây có lẽ là bữa ăn thịnh soạn nhất trong đời tù bọn tôi.

Sáng hôm sau, tay Chủ nhiệm HTX hướng dẫn chúng tôi ra khu ruộng, nằm cách ngôi đình làng khoảng 100 mét. Khi đến nơi bọn tôi mới ngỡ ngàng. Đây là những đám ruộng

sinh, lúa rất tốt, nhánh nào cũng trĩu đầy hạt, nhưng nếu bước chân xuống ruộng, người ta sẽ bị lún sâu xuống ngay, khó mà ngoi lên được, vì càng cử động, tìm cách thoát lên, lại càng bị lún xuống thêm, có thể ngập đầu. Bọn tôi lắc đầu ngán ngẩm, khi vừa hiểu ra cái giá của bữa cơm nếp có thịt trâu, rượu mía tối hôm qua. Trong khi cả bọn nhìn nhau bất lực, Lân đưa ra sáng kiến. Dùng các tấm cửa cũ của ngôi đình bỏ hoang, cột dây kéo hai đầu, chỉ cần một người (chọn những người nhẹ ký nhất) ngồi trên tấm cửa, gạt lúa, những người còn lại, đứng trên bờ hai đầu, thay phiên kéo và giữ thăng bằng tấm cửa và an toàn cho người gạt lúa. Một tấm cửa khác kéo theo bên cạnh, để chứa những bó lúa gạt được. Khi nào đầy lúa, người gạt ra đầu, để được kéo vào bờ. Sáng kiến của Lân được mọi người hoan nghênh, kể cả tay Chủ nhiệm. Khoảng mười tấm cửa cũ đủ loại lớn nhỏ được mang ra sử dụng, một số cuộn dây được cung cấp, kể cả một số tre được mang tới để vài anh chẻ ra đan thành những cuộn dây dài. Không ngờ sáng kiến của Lân lại tuyệt vời. Chỉ hai hôm, tất cả lúa trên hơn mười thửa ruộng sinh được gạt xong. HTX “thu hoạch” được số lượng lúa khá lớn. Tay Chủ nhiệm xin cho bọn tôi được ở lại thêm một ngày để nghỉ ngơi và “liên hoan”, được ăn cơm trắng với cá trám cỏ. Thấy có một cái trống rách, bỏ nằm lẩn lóc trong góc đình, Lân bèn nghĩ ra một điều “kỳ lạ” khác. Anh tháo da từ cái trống ra, mượn một cái chảo đun sôi gân cả một đêm, sáng hôm sau, các miếng da nở ra, mềm, dẻo và trắng muốt. Lân thái nhỏ ra, xin thêm đậu phụng, giã nát cùng với ít rau, rắc lên. Miếng da rách trong chiếc trống lẩn lóc ngày hôm qua, bây giờ đã trở thành một món ăn khoái khẩu. Những bạn tù hôm ấy chắc chắn không ai có thể quên Lân và những ngày tù thật đặc biệt này.

Sau khi được chuyển về Trại Nghệ Tĩnh, Lân rủ tôi

và một người bạn thân nữa tổ chức một cuộc trốn trại. Tôi rất tin tưởng vào khả năng vượt thoát của Lân. Thời gian này bắt đầu được thăm nuôi, Lân đã nhờ người nhà mang theo nhiều thức ăn khô, một số tiền mặt và một cái đĩa bìa nhỏ giấu kín trong hũ mắm ruốc. Nhờ hối lộ hậu hi cho tên công an phụ trách, nên mọi thứ đều trót lọt. Nhưng chưa tới ngày thực hiện thì bất ngờ Lân có lệnh thả. Anh rất ngạc nhiên về việc này. Kế hoạch trốn trại phải hủy bỏ, vì tôi và người bạn còn lại không tin vào khả năng của mình, nếu không có Lân.

Năm 1983, sau gần một năm được chuyển về Trại Z-30 C Hàm Tân, tôi được thả. Ra trại, thay vì về quê nhà ở Nha Trang, tôi vào Sài Gòn tìm Lân. Vì trước lúc chia tay, Lân cho biết là sau khi về nhà, anh sẽ mua ghe tổ chức vượt biên. Anh còn dặn dò, bất cứ lúc nào ra khỏi tù, tôi nhớ tìm gặp anh ngay. Tôi luôn tin tưởng vào khả năng, đạo đức và sự chân tình của Lân.

Thời gian trong tù, qua tâm sự của Lân, tôi biết rất rõ về nhà cửa, địa chỉ và tất cả những người trong gia đình anh. Ông cụ đã mất trước 75, Lân chỉ còn bà cụ đang sống với hai cô em gái trong ngôi nhà khá lớn ở bên Quốc lộ, gần Ngã Tư Hàng Xanh. Ông anh duy nhất là một Biên Tập Viên Cảnh Sát, làm việc tại Sài Gòn, đã kịp rời khỏi Nhà Bè vào sáng sớm ngày 30.4.75.

Lân được cả nhà, đặc biệt là bà mẹ hết lòng yêu thương. Chính vì điều này mà Lân đã không đành bỏ mẹ để ra đi khi CS chiếm Sài Gòn, mặc dù khi ấy Lân có nhiều phương tiện trong tay, đã giúp khá nhiều bạn bè ra khỏi nước. Sau này Lân còn cho tôi biết, chính mẹ và các em gái của Lân đã bán nhiều tài sản và dùng vàng bạc giấu được sau các đợt “đánh tư sản”, tìm đường dây đến một tay thứ trưởng Bộ Nội Vụ

CS mua cho Lân cái giấy ra trại. Lân là một trong số rất ít tù được thả sớm từ miền Bắc trong thời gian ấy.

Khi tìm đến nhà, tôi gặp mẹ và cô em lớn của Lân. Bà mẹ cũng là một người tu hành. Bên kia phòng khách, tôi nhìn thấy một tượng Phật Quan Âm lớn hơn một người thật, cao gần đến trần nhà. Tôi bảo tôi là bạn tù rất thân của Lân vừa mới được thả ra, tìm đến thăm Lân, nhưng cả mẹ con đều bảo Lân đang sống ở vùng kinh tế mới dưới Phước Tuy. Nhìn vẻ mặt của hai người tôi biết là họ đang nghi ngờ tôi, có thể là một gã công an nào đó muốn thăm dò tin tức Lân. Khi tôi hỏi xin địa chỉ nơi ở của Lân trong vùng kinh tế mới để đi thăm, viện cớ là tôi ở ngoài Trung, sau này khó có thể gặp Lân, hai người bảo là không biết, hơn nữa người lạ cũng không được phép đến đó. Đoán là có điều gì xảy ra cho Lân, nên cả mẹ và em Lân cố tình giấu giếm, tôi lấy tờ Giấy Ra Trại đưa cho cô em xem và kể thêm một số chi tiết về Lân cũng như những người trong gia đình. Khi ấy hai người mới tin và cho tôi biết là Lân tổ chức vượt biên, kéo theo một số bạn bè, nhưng chẳng may ghe bị mắc cạn ở cửa sông Mỹ Tho, Lân bị bắt và đang bị nhốt trong một trại tù rất khắc nghiệt. Tôi cảm ơn và xin tạm biệt, nhờ chuyên lời thăm Lân khi có thăm nuôi. Tôi cũng để lại địa chỉ và nhờ nói lại với Lân, khi ra tù nhớ liên lạc với tôi. Mẹ của Lân bảo cô em vào lấy một số tiền biếu tôi. Tôi từ chối nhưng hai mẹ con nhất mực bắt tôi phải nhận. Cô em đã nhét tiền vào túi áo của tôi.

Sau hơn tám năm, trở về nhà, chưa kịp làm quen với mấy đứa con, nhất là con gái út còn nằm trong bụng mẹ ngày tôi vào tù, và cũng chưa kịp hỏi được tin tức về nơi chôn cất cha tôi, ông đã chết trong một trại tù khác trong Nam từ tháng 6/1976, thì bốn hôm sau, tôi được “mời” ra công an thị trấn, nhận cái giấy trả lại trại tù, với lý do “*nhân dân địa phương*

không chấp nhận cho tôi được tạm trú”. Khăn gói vào lại trại tù Z-30C, được cho ở tạm nhà thăm nuôi ba hôm, sau đó nhận một tấm Giấy Ra Trại khác, với nơi chỉ định tạm trú mới là sinh quán của tôi. Ở đó tôi chẳng còn ai, ngoài bà cô già, góa bụa sống trong ngôi nhà từ đường của ông bà nội tôi để lại. Tôi lại bị chính quyền CS ở đây hành hạ, làm nhục đủ điều. Không còn con đường nào khác, ngoài vượt biên. Nhờ một ông anh con ông cậu ruột, nguyên là một HSQ Hải quân, đang có sẵn ghe đánh cá, tôi liền lĩnh âm thầm khuyến khích và tổ chức vượt biên, chỉ dành cho gia đình và những người thân thiết nhất. Tôi nhờ đưa cháu vào nhà Lân. Rất may là Lân vừa mới ra khỏi tù hơn một tuần lễ, cũng nhờ bà mẹ lo lót. Lân mua giấy tờ giả, đóng vai một “cán bộ thương nghiệp” ra Nha Trang công tác. Tôi gửi Lân ở chung nhà với một người bạn thân khác của tôi, là căn phòng nhỏ ngay phía sau một trường tiểu học mà anh là hiệu trưởng, không ai để ý. Đúng giờ hẹn, tôi cho người đón Lân bằng xe Honda và đưa Lân trốn trong một ghềnh đá sát bên bờ biển ở một nơi an toàn. Tôi hẹn cho ghe ghé đến, đậu xa bờ khoảng 200 mét, báo mật hiệu bằng đèn và cho thừng chấu chèo thúng chai vào đón. Nhưng Lân bảo không cần, vì thúng chai chèo chậm lắm, anh sẽ bơi ra tàu cho nhanh. Khi kéo Lân lên tàu, hai đứa ôm chầm lấy nhau, như thắm hứa hẹn một “tràng sử” mới.

Mặc dù có người anh định cư ở Mỹ từ 1975, nhưng Lân quyết định cùng đi Na-Uy với chúng tôi. Mấy lần tôi hỏi, có phải trong lòng Lân còn “hận” Mỹ, đã phản bội, bỏ rơi người bạn đồng minh, để đất nước và cả dân tộc mình khốn khổ, điêu linh, nhưng Lân cười, bảo chỉ muốn sống gần tôi, người bạn đã cùng sống chết với anh trong suốt đoạn đời tù đầy khốn khổ.

Lân cùng học rồi cùng vào làm một sở với tôi cho đến ngày về hưu. Chúng tôi cũng đã từng háo hức, hăng say hoạt động trong một tổ chức kháng chiến ngay từ ngày đến Trại Tị Nạn Bataan, Phi Luật Tân. Vào thời điểm ấy, tổ chức này rất nổi tiếng và được nhiều người khắp nơi tham gia, ủng hộ. Khi một cán bộ cao cấp của tổ chức từ Hoa Kỳ đến Na-Uy sinh hoạt, cả Lân và tôi xin tình nguyện được về “chiến khu quốc nội”(?), nhưng ông ta bảo không còn cần thiết nữa. Chỉ một tháng sau đó, tổ chức này rạn nứt, tan vỡ, phơi bày bao điều không thật, đau lòng(!). Chúng tôi thất vọng và phẫn nộ khi có cảm giác mình bị lừa dối một lần nữa. Những năm sau, Lân sang Mỹ nhiều lần, thăm ông anh, họp bạn bè và tìm hiểu các tổ chức, hội đoàn hoạt động ở đây. Anh háo hức, thiết tha mong được đóng góp phần mình. Lân thường bảo: cuộc sống lưu vong này sẽ trở nên vô nghĩa, nếu chúng ta không làm được điều gì. Chẳng lẽ rồi bọn mình cũng chỉ là những “con chim ẩn mình chờ chết!” hay sao?

Cuối cùng, dường như Lân đã không tìm được một “ánh sáng nào ở cuối đường hầm”. Anh bảo những hình thức, phô trương, những bộ quân phục và lon lá bị lạm dụng, những ông bà háo danh chủ tịch, tranh giành cộng đồng này, hội đoàn nọ, chữ bới chụp mũ lẫn nhau, tệ nhất là mấy cái “chính phủ ma” với đám tướng tá tự phong, tự diễn, lố bịch như đám phường tuồng, làm anh muốn buồn nôn...

Có những ông chưa có một ngày trong lính, nhưng lúc nào cũng tỏ ra là một nhà quân sự tài ba, huênh hoang chê bai ông tướng này ông tá nọ, phê phán đủ điều về các trận chiến ngày xưa. Cũng có những ông gốc lính, chẳng biết tài năng đến đâu, chữ bới không sót một người nào, từ các cấp chỉ huy cũ của mình ngày trước cho đến các Cựu Tổng Thống của hai nền Cộng Hòa, bằng lời lẽ hạ cấp bản thủ, chụp mũ

người này người khác, nếu không hoan hô “cái tài thao lược” của phe ông.

Bạn bè thì một số thoải mái với cuộc sống mới và đã biến thành những con người mới, quên mình đã từng là lính, tệ hơn nữa là quên mình đã từng bị tù đày... Chưa kể một số đua nhau về Việt Nam, để được đi trở lại trên những “đường xưa lối cũ.” Lân bảo, vẫn biết mỗi người có quyền chọn cho mình một cách sống riêng để bù đắp những mất mát hay xoa dịu phần nào vết thương quá khứ. Tất cả đều tội nghiệp, nhưng sao anh vẫn thấy có điều gì đó làm xót xa, đau đớn trong lòng.

Đôi khi, Lân tâm sự với tôi:

-Đã hơn gần 30 năm sống trong cái cộng đồng ly hương này, sao nhiều lúc mình vẫn có cái cảm giác bồng bềnh như ngày nào còn ngồi với bạn trên chiếc thuyền vượt biển ra khơi!

Tôi lên mặt lý sự, cốt để an ủi Lân:

-Bạn đừng lý tưởng quá, thời gian nó sẽ xói mòn và làm đổi thay tất cả. Trong cái xô bồ, mình phải gạt lọc để chấp nhận và trân trọng những gì tương đối, bởi rất nhiều anh em, cũng như chúng ta, đành phải “lực bất tòng tâm” trước những ước vọng đó sao!

Tôi thâm tiếc và tội nghiệp cho Lân, một con người yêu nước, tài ba, can đảm và đức độ như vậy mà chẳng còn một nơi nào để “dụng võ”.

Nhiều lúc thấy Lân trầm ngâm,ngồi im lặng như một thiền sư, tôi tự hỏi, từ ngày chọn con đường tu hành, ngày đêm với kinh kệ, không biết trong lòng Lân có còn nổi khắc khoải

nào không? Tôi ngại không dám hỏi Lân. Mới đây, trong lúc ngồi bên nhau, bất chợt Lân nói với tôi:

-Bây giờ tôi chỉ còn mong ước hai điều, trước khi chết được thấy đất nước mình đổi thay, không còn Cộng sản, và khi nhắm mắt được có bạn ở bên cạnh để vuốt mắt và niệm cho tôi một bài kinh A Di Đà!

Con chim gõ trên chiếc đồng hồ treo trong quán cà phê vừa hát lên bảy tiếng. Như vậy là bọn tôi ngồi đây đã ba giờ đồng hồ. Trời không tối nên cứ tưởng còn sớm lắm. Ánh mặt trời vẫn chói chang qua những tàng cây. Tôi đứng dậy, dành đi trả tiền. Lân bước ra trước, đứng chờ ở vệ đường, nhắm mắt ngược mặt lên trời. Không biết anh đang cầu nguyện điều gì hay muốn xóa đi, quên hết những gì mà chúng tôi vừa tâm sự, để trở về với cái tâm yên tĩnh của một thầy tu. Anh đứng yên lặng nhưng cái bóng của anh lung linh, sống động trải dài theo bờ con dốc đá. Nhìn cái bóng, tôi mơ hồ như bắt gặp được gặp lại người phi công trẻ, hào hoa, oai hùng, mà mình đã từng quen biết từ một thời nào xa xưa lắm.

Bỗng dưng, tôi nhớ tới những đồng đội, bạn bè đã hy sinh, nhớ tới những chàng phi công hào hùng đã từng sống chết với đơn vị tôi trong Mùa Hè 1972 và suốt một thời binh lửa. Khi bước đến bên Lân, tôi vẫn thấy anh đứng lặng yên, bất động, hướng mắt nhìn về một nơi xa xăm nào đó. Trên không gian bao la chỉ có vài áng mây đang chậm chậm bay về phía cuối chân trời.

Phạm Tín An Ninh